

Số: 21 /2015/QĐ-UBND

Cà Mau, ngày 24 tháng 8 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH
Về mức thu Phí đo đạc, lập bản đồ địa chính
trên địa bàn tỉnh Cà Mau

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;
Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;
Căn cứ Pháp lệnh Phí và lệ phí số 38/2001/PL-UBTVQH 10 ngày 28/8/2001;
Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí;
Căn cứ Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí;
Căn cứ Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí;
Căn cứ Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25/5/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí;
Căn cứ Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
Căn cứ Nghị quyết số 23/2014/NQ-HĐND ngày 10/12/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau ban hành mức thu Phí đo đạc, lập bản đồ địa chính trên địa bàn tỉnh Cà Mau;
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 250/TTr-STNMT ngày 23/6/2015 và Báo cáo thẩm định số 160/BC-STP ngày 08/6/2015 của Giám đốc Sở Tư Pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định mức thu Phí đo đạc, lập bản đồ địa chính trên địa bàn tỉnh Cà Mau, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: đồng/m²

STT	Quy mô diện tích thửa đất	Khu vực đô thị		Khu vực nông thôn	
		Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp	Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp
1	Diện tích ≤ 200 m ²	1.400	1.500	1.260	1.350
2	Diện tích > 200 m ² - 400 m ²	1.350	1.450	1.215	1.305
3	Diện tích > 400 m ² - 600 m ²	1.300	1.400	1.170	1.260
4	Diện tích > 600 m ² - 1.000 m ²	1.200	1.300	1.080	1.170
5	Diện tích > 1.000 m ² - 2.000 m ²	1.100	1.200	990	1.080
6	Diện tích > 2.000 m ² - 3.500 m ²	800	900	720	810
7	Diện tích > 3.500 m ² - 5.000 m ²	600	700	540	630
8	Diện tích > 5.000 m ² - 7.500 m ²	500	600	450	540
9	Diện tích > 7.500 m ² - 10.000 m ²	450	550	405	495
10	Trường hợp diện tích thửa đất > 10.000 m ² thu theo đơn vị đồng/thửa đất	Mức thu đồng/thửa: 5.400.000	Mức thu đồng/thửa: 6.600.000	Mức thu đồng/thửa: 4.860.000	Mức thu đồng/thửa: 5.940.000

Điều 2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Sở Tài chính và Cục Thuế triển khai thực hiện việc thu Phí đo đạc, lập bản đồ địa chính trên địa bàn tỉnh Cà Mau theo nội dung Quyết định này.

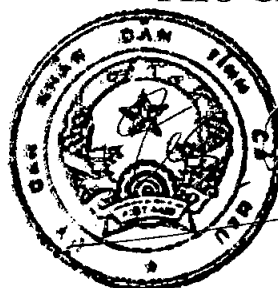
Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính, Cục trưởng Cục Thuế, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Cà Mau và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: TN&MT, TC;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Ban Pháp chế HĐND tỉnh;
- VP Đoàn ĐB Quốc hội và HĐND tỉnh;
- Báo Cà Mau;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Phòng NN - ND;
- Lưu: VT, Ktr52/8.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Dũng